

Số: 31 /TB- THPĐ

Phúc Lợi, ngày 31 tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO

### V/v Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản năm 2025

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15; Luật Thủ đô (sửa đổi năm 2024)

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 58/2025/QĐ-CTUBND ngày 23/9/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội v/v Quy định về một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội;

Trường Tiểu học Phúc Đồng thông báo về việc công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản năm 2025 cụ thể như sau

#### 1. Niêm yết và công khai:

- Mẫu số 09a-CK/TSC Công khai tình hình đầu tư xây dựng mua sắm, giao, thuê tài sản công năm 2025.

- Mẫu số 09b-CK/TSC công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp năm 2025.

- Mẫu số 09c-CK/TSC Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2025.

- Mẫu số 09d-CK/TSC Công khai tình hình xử lý tài sản công năm 2025.

- Mẫu số 09đ-CK/TSC Công khai tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài s  
công năm 2025.

**2. Thời gian niêm yết:** Kể từ ngày 31/12/2025

**3. Địa điểm niêm yết:** Đăng trên trang Website cổng thông tin điện tử nhà trường  
<https://thphucdong.longbien.edu.vn>.

**4. Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Kể từ ngày 31/12/2025.

**5. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho bộ phận chuyên môn hoặc q  
hòm thư của nhà trường.

**6. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** chậm nhất là ngày 5 ngày kể  
ngày tiếp nhận ý kiến.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC-KH quận;
- CB, GV, NV;
- VP/đề niêm yết;
- Lưu: VP.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Phan Thị Xuân Thu**

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND phường Phúc Lợi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Phúc Đồng

Mã đơn vị: 1088975

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

### CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện... (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>Tổng cộng</b>													

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Khuất Thị Hằng

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Xuân Thu



Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



**Khuất Thị Hằng**

Ngày ..*04* tháng ..*11* năm ..*2025*

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



**Phan Thị Xuân Thu**

Đơn vị: UBND phường Phúc Lợi  
 Cơ quan quản lý cấp trên: UBND phường Phúc Lợi  
 Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Phúc Đồng  
 Mã đơn vị: 1088975  
 Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)							Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7								8	9	10	11
1	Tài sản cố định khác Năm 2005		289	8.162.389	7.030.266	1.132.123	3.144.045										
1	Bộ trang âm	Kho tầng B401	1	50.000	50.000												
2	Máy photo 2005	Phòng đồ dùng	1	45.000	45.000												
3	Máy vi tính, máy in 2005	Phòng đồ dùng	1	16.400	16.400												
1	Máy chiếu 2007	Phòng đồ dùng	1	23.300	23.300												
2	Máy chiếu camera 2007	Văn phòng	1	21.450	21.450												
3	Máy tính xách tay 2007	Phòng đồ dùng	1	13.300	13.300												
4	Máy vi tính 2007	Phòng đồ dùng	1	11.700	11.700												
1	Máy ôn áp Lioa	Phòng đồ dùng	1	20.010	20.010												
2	Máy vi tính GV(phòng tin) 2008	Phòng tin học	1	10.245	10.245												
1	Ôn áp 20KVA	Phòng tin học	1	12.210	12.210												
2	máy tính cho GV 2010	Phòng đồ dùng	1	12.815	12.815												
3	Máy tính đồng bộ phục vụ quản lý và cài đặt nét 2010	Phòng đồ dùng	1	12.900	12.900												
4	Camera kết nối Projector	Phòng Hiệu trưởng	1	15.400	15.400												

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	(Nghìn đồng)		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Đàn OrganGV 2010	PHÒNG ÂM NHẠC	1	27.280	27.280								
	<b>Năm 2013</b>		<b>1</b>	<b>61.380</b>	<b>61.380</b>								
1	Máy photocopy Kỹ thuật số MP 2000L2 đa chức năng (Copy+ In + Laser+ Scan+ Duplex)	Văn phòng	1	61.380	61.380								
	<b>Năm 2015</b>		<b>21</b>	<b>384.945</b>	<b>384.945</b>								
1	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Phòng đồ dùng	1	13.600	13.600								
2	Tivi 51inch và đầu DVD	Thư viện HS	1	32.100	32.100								
3	Máy tính xách tay	Phòng đồ dùng	1	16.500	16.500								
4	Máy tính xách tay	Phòng đồ dùng	1	16.500	16.500								
5	Máy tính cho Giáo viên	Phòng đồ dùng	1	15.170	15.170								
6	Máy tính cho Giáo viên	Lớp 1A	1	15.170	15.170								
7	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Phòng đồ dùng	1	13.600	13.600								
8	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Thư viện HS	1	13.600	13.600								
9	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Lớp 1B	1	13.600	13.600								
10	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Thư viện HS	1	13.600	13.600								
11	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Phòng đồ dùng	1	13.600	13.600								
12	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Thư viện HS	1	13.600	13.600								
13	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Phòng đồ dùng	1	13.600	13.600								
14	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Thư viện HS	1	13.600	13.600								
15	Máy tính cấu hình 1 cho HS	Phòng đồ dùng	1	13.600	13.600								
16	Máy chiếu đa vật thể	Lớp 1A	1	18.000	18.000								
17	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (Projector)	Lớp 3A	1	31.550	31.550								
18	Máy chiếu đa năng kỹ thuật số (Projector)	Lớp 3D	1	31.550	31.550								
19	Đàn organ	PHÒNG ÂM NHẠC	1	39.800	39.800								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sơ kê toán đơn vị (Nghìn đồng)			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
				Tổng cộng	Nguyên ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
20	Bộ Đoàn Đội (trồng cải, trồng con, kèn, Cymbala)	Đoàn Đội	1	21.250	21.250								
21	Bộ âm thanh ngoài trời	Đoàn Đội	1	11.355	11.355								
	<b>Năm 2019</b>		<b>1</b>	<b>22.400</b>	<b>22.400</b>								
1	từ nhóm kinh	Lưu trữ	1	22.400	22.400								
	<b>Năm 2022</b>		<b>47</b>	<b>702.720</b>		<b>702.720</b>	<b>140.544</b>						
1	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
2	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
3	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
4	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
5	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
6	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
7	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
8	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
9	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
10	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
11	Máy tính để bàn CMS X-Media XS3J-F66.HN22	Phó HT 2	1	14.620		14.620	2.924		X				
12	Máy tính để bàn CMS X-Media XS3J-F66.HN22	Phòng Hiệu trưởng	1	14.620		14.620	2.924		X				
13	Máy tính để bàn CMS X-Media XS3J-F66.HN22	Phó HT 1	1	14.620		14.620	2.924		X				
14	Máy tính để bàn CMS X-Media XS3J-F66.HN22	Thư viện GV	1	14.620		14.620	2.924		X				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	(Nghìn đồng)		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn giá khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
15	Máy tính để bàn CMS X-Media XS3J-F66.HN22	Thư viện HS	1	14.620		14.620	2.924		X				
16	Máy tính xách tay Acer Travelmate P215-53-57RP	Đoàn Đối	1	15.000		15.000	3.000		X				
17	Máy tính xách tay Acer Travelmate P215-53-57RP	Văn phòng	1	15.000		15.000	3.000		X				
18	Máy tính xách tay Acer Travelmate P215-53-57RP	Phó HT 1	1	15.000		15.000	3.000		X				
19	Máy tính xách tay Acer Travelmate P215-53-57RP	Phòng Kế toán	1	15.000		15.000	3.000		X				
20	Máy tính xách tay Acer Travelmate P215-53-57RP	Phó HT 2	1	15.000		15.000	3.000		X				
21	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
22	Máy tính để bàn CMS X-Media XS3J-F66.HN22	Văn phòng	1	14.620		14.620	2.924		X				
23	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
24	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
25	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
26	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
27	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
28	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
29	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
30	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
31	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				
32	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kê toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	
6	7	8	9	10	11	12								13
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
33	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
34	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
35	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
36	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
37	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
38	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
39	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
40	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
41	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
42	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
43	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
44	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
45	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
46	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
47	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	15.000		15.000	3.000		X					
	<b>Năm 2023</b>		<b>195</b>	<b>6.522.831</b>	<b>6.269.531</b>	<b>253.300</b>	<b>2.897.839</b>							
1	Điều hòa 18000 BTU	A301	1	17.000		17.000	8.500							
2	Điều hòa 18000 BTU	Phòng Hội đồng	1	17.000		17.000	8.500							
3	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1B	1	17.000		17.000	8.500							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên đồng		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5E	1	17.000	17.000		8.500						
4	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5D	1	17.000	17.000		8.500						
5	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4B	1	17.000	17.000		8.500						
6	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1E	1	17.000	17.000		8.500						
7	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1D	1	17.000	17.000		8.500						
8	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1D	1	17.000	17.000		8.500						
9	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1D	1	17.000	17.000		8.500						
10	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5C	1	17.000	17.000		8.500						
11	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5B	1	17.000	17.000		8.500						
12	Điều hòa 18000 BTU	A301	1	17.000	17.000		8.500						
13	Điều hòa 18000 BTU	Lưu trữ	1	17.000	17.000		8.500						
14	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3G	1	17.000	17.000		8.500						
15	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3C	1	17.000	17.000		8.500						
16	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3B	1	17.000	17.000		8.500						
17	Loa công suất lớn	Đoàn Đới	1	34.195	34.195		6.839						
18	Màn hình tương tác + Phần mềm	Lớp 3C	1	119.795	119.795		23.959						
19	Điều hòa 18000 BTU	Đoàn Đới	1	17.000	17.000		8.500						
20	Máy bơm sinh hoạt	Nhà B	1	17.400	17.400		8.700						
21	Điều hòa 18000 BTU	PHÒNG ÂM NHẠC	1	17.000	17.000		8.500		x				
22	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5G	1	17.000	17.000		8.500						
23	Điều hòa 18000 BTU	A101 (Phòng TA 1)	1	17.000	17.000		8.500						
24	Điều hòa 18000 BTU	Thư viện HS	1	17.000	17.000		8.500						
25	Máy bơm sinh hoạt	Nhà B	1	17.400	17.400		8.700						
26	Điều hòa 18000 BTU	A201 (Phòng TA 2)	1	17.000	17.000		8.500						
27	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1A	1	17.000	17.000		8.500						
28	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2C	1	17.000	17.000		8.500						
29	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1C	1	17.000	17.000		8.500						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo số kê toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)										Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					
5	6	7	8	9	10	11								12	13	14		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14					
30	Điều hòa 18000 BTU	Phòng HT 2	1	17.000	17.000		8.500											
31	Điều hòa 18000 BTU	A302	1	17.000	17.000		8.500											
32	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1A	1	17.000	17.000		8.500											
33	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2A	1	17.000	17.000		8.500											
34	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3C	1	17.000	17.000		8.500											
35	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3D	1	17.000	17.000		8.500											
36	Điều hòa 18000 BTU	Thư viện HS	1	17.000	17.000		8.500											
37	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4G	1	17.000	17.000		8.500											
38	Điều hòa 18000 BTU	Ngoại ngữ 2 (D403)	1	17.000	17.000		8.500											
39	Điều hòa 18000 BTU	Thư viện HS	1	17.000	17.000		8.500											
40	Điều hòa 18000 BTU	Lưu trữ	1	17.000	17.000		8.500											
41	Điều hòa 18000 BTU	Phòng Hiệu trưởng	1	17.000	17.000		8.500											
42	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3D	1	17.000	17.000		8.500											
43	Điều hòa 18000 BTU	A302	1	17.000	17.000		8.500											
44	Điều hòa 18000 BTU	Ngoại ngữ 2 (D403)	1	17.000	17.000		8.500											
45	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5A	1	17.000	17.000		8.500											
46	Điều hòa 18000 BTU	Phòng y tế	1	17.000	17.000		8.500											
47	Máy bơm thải nước chìm	Nhà B	1	12.280	12.280		6.140											
48	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2G	1	36.495	36.495		7.299											
49	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330												
50	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4C	1	36.495	36.495		7.299											
51	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2A	1	36.495	36.495		14.598											
52	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	A101 (Phòng TA 1)	1	36.495	36.495		14.598											
53	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3A	1	36.495	36.495		7.299											

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị; tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	(Nghĩa đồng)										Mục đích sử dụng			
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14				
54	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1C	1	36.495	36.495		14.598										
55	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4D	1	36.495	36.495		7.299										
56	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	PHÒNG ÂM NHẠC	1	36.495	36.495		7.299										
57	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2B	1	36.495	36.495		14.598										
58	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4B	1	36.495	36.495		7.299										
59	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3E	1	36.495	36.495		7.299										
60	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2D	1	36.495	36.495		14.598										
61	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4E	1	36.495	36.495		7.299										
62	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3D	1	36.495	36.495		7.299										
63	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1D	1	36.495	36.495		14.598										
64	Điều hòa 18000 BTU	Phòng tin học	1	17.000	17.000		8.500										
65	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3B	1	36.495	36.495		7.299										
66	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3G	1	36.495	36.495		7.299										
67	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1E	1	36.495	36.495		14.598										
68	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4A	1	36.495	36.495		7.299										
69	Thi công lắp đặt hệ thống PCCC, thiết bị PCCC	Nhà B	1	2.107.410	2.107.410		1.264.446										
70	Tủ trưng bày- phía trên là các kệ trang trí để tài liệu 2 bên, giữa có khoang kính	Lưu trữ	1	21.055	21.055		10.528										
71	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1B	1	36.495	36.495		14.598										

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị; tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	(Nghĩa đồng)									
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
54	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1C	1	36.495	36.495		14.598						
55	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4D	1	36.495	36.495		7.299						
56	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	PHÒNG ÂM NHẠC	1	36.495	36.495		7.299						
57	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2B	1	36.495	36.495		14.598						
58	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4B	1	36.495	36.495		7.299						
59	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3E	1	36.495	36.495		7.299						
60	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2D	1	36.495	36.495		14.598						
61	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4E	1	36.495	36.495		7.299						
62	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3D	1	36.495	36.495		7.299						
63	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1D	1	36.495	36.495		14.598						
64	Điều hòa 18000 BTU	Phòng tin học	1	17.000	17.000		8.500						
65	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3B	1	36.495	36.495		7.299						
66	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 3G	1	36.495	36.495		7.299						
67	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1E	1	36.495	36.495		14.598						
68	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4A	1	36.495	36.495		7.299						
69	Thi công lắp đặt hệ thống PCCC, thiết bị PCCC	Nhà B	1	2.107.410	2.107.410		1.264.446						
70	Tủ trưng bày- phía trên là các kệ trang trí để tài liệu 2 bên, giữa có khoang kính	Lưu trữ	1	21.055	21.055		10.528						
71	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1B	1	36.495	36.495		14.598						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
72	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
73	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2C	1	36.495	36.495		14.598						
74	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 5A	1	36.495	36.495		7.299						
75	Máy chiếu đa năng	Lớp 3E	1	25.330		25.330							
76	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
77	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
78	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
79	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
80	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
81	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
82	Máy chiếu đa năng	Phòng học	1	25.330		25.330							
83	máy chiếu đa năng 2010	Lớp 3B	1	32.670		32.670							
84	máy chiếu đa năng 2010	Lớp 3C	1	32.670		32.670							
85	Máy Điều hòa nhiệt độ Sumikura APS/APO- H180, 1800000, BTU 2 chiều	Phòng Kế toán	1	19.195	19.195								
86	Máy Điều hòa nhiệt độ Sumikura APS/APO- H180, 1800000, BTU 2 chiều	Bảo vệ	1	19.195	19.195								
87	Máy phát điện 80KVA (tham khảo máy phát điện diesel 3 pha Hyundai DHY 90KSE)	Nhà B	1	364.050	364.050		182.025						
88	Máy tính cấu hình 1 Sing PC EP3.0R62D	Phòng tin học	1	12.980	12.980								
89	Máy tính cấu hình 1 Sing PC EP3.0R62D	Phòng tin học	1	12.980	12.980								
90	Máy tính cấu hình 1 Sing PC EP3.0R62D	Phòng tin học	1	12.980	12.980								
91	Máy tính cấu hình 1 Sing PC EP3.0R62D	Phòng tin học	1	12.980	12.980								

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
(Nghìn đồng)													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
92	Máy tính cấu hình 1 Sing PC EP3 0R62D	Phòng tin học	1	12.980	12.980								
93	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 2E	1	36.495	36.495		7.299						
94	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1A	1	36.495	36.495		14.598						
95	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 4G	1	36.495	36.495		7.299						
96	Smart Tivi 4K 75 inch SAMSUNG UA75BU8000	Lớp 1G	1	36.495	36.495		14.598						
97	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5D	1	17.000	17.000		8.500						
98	Điều hòa 18000 BTU	A202	1	17.000	17.000		8.500						
99	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4E	1	17.000	17.000		8.500						
100	Điều hòa 18000 BTU	Văn phòng	1	17.000	17.000		8.500						
101	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3D	1	17.000	17.000		8.500						
102	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4G	1	17.000	17.000		8.500						
103	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3E	1	17.000	17.000		8.500						
104	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5A	1	17.000	17.000		8.500						
105	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3A	1	17.000	17.000		8.500						
106	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2D	1	17.000	17.000		8.500						
107	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3E	1	17.000	17.000		8.500						
108	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2C	1	17.000	17.000		8.500						
109	Điều hòa 18000 BTU	B405	1	17.000	17.000		8.500						
110	Điều hòa 18000 BTU	Phòng Hội đồng	1	17.000	17.000		8.500						
111	Điều hòa 18000 BTU	A103	1	17.000	17.000		8.500						
112	Điều hòa 18000 BTU	A103	1	17.000	17.000		8.500						
113	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2A	1	17.000	17.000		8.500						
114	Điều hòa 18000 BTU	Phòng đồ dùng	1	17.000	17.000		8.500		X				
115	Điều hòa 18000 BTU	A201 (Phòng TA 2)	1	17.000	17.000		8.500						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sơ kê toán đơn vị tiền công khai (Nghìn đồng)	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Tổng cộng	Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
116	Điều hòa 18000 BTU	Kho tầng B401	1	17.000	17.000		8.500							
117	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5B	1	17.000	17.000		8.500							
118	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2D	1	17.000	17.000		8.500							
119	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4D	1	17.000	17.000		8.500							
120	Điều hòa 18000 BTU	A303	1	17.000	17.000		8.500							
121	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1B	1	17.000	17.000		8.500							
122	Điều hòa 18000 BTU	A203	1	17.000	17.000		8.500							
123	Điều hòa 18000 BTU	Phòng đồ dùng	1	17.000	17.000		8.500							
124	Điều hòa 18000 BTU	Thư viện GV	1	17.000	17.000		8.500							
125	Bàn Mixer 16 đường vào	Phòng Hội đồng	1	17.175	17.175		3.435							
126	Amply liên Mixer (nhà thẻ chất)	Phòng thẻ chất	1	12.845	12.845		2.569							
127	Bộ chuyên nguồn ATSS3P80A+ Bộ điều khiển ATS+ Tủ bảo vệ	Bảo vệ	1	25.500	25.500		12.750							
128	Bộ điều khiển trung tâm (Phòng tin học)	Phòng tin học	1	24.475	24.475		4.895							
129	Bộ kèn đội (Bộ sung)	Đoàn Đội	1	34.895	34.895		6.979							
130	Bộ Micro không dây	Phòng Hội đồng	1	15.955	15.955		3.191							
131	Bộ Micro không dây	Phòng Hội đồng	1	15.955	15.955		3.191							
132	Bộ Micro không dây	Đoàn Đội	1	15.955	15.955		3.191							
133	Bộ Micro không dây	Phòng Hội đồng	1	15.955	15.955		3.191							
134	Bộ Micro không dây	Đoàn Đội	1	15.955	15.955		3.191							
135	Bộ phát nhạc nền (phòng tin học)	Phòng tin học	1	14.626	14.626		2.925							
136	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 3G	1	18.745	18.745		3.749							
137	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 2E	1	18.745	18.745		3.749							
138	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 3B	1	18.745	18.745		3.749							
139	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 3C	1	18.745	18.745		3.749							
140	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 3A	1	18.745	18.745		3.749							

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
141	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 5A	1	18.745	18.745		3.749						
142	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 3D	1	18.745	18.745		3.749						
143	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 2G	1	18.745	18.745		3.749						
144	Bộ thiết bị âm thanh trợ giảng	Lớp 3E	1	18.745	18.745		3.749						
145	Công suất-Soundking AE3000	Đoàn Đội	1	23.442	23.442		4.688						
146	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3B	1	17.000	17.000		8.500						
147	Điều hòa 18000 BTU	Phòng Hiệu trưởng	1	17.000	17.000		8.500						
148	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4G	1	17.000	17.000		8.500						
149	Điều hòa 18000 BTU	A102	1	17.000	17.000		8.500						
150	Điều hòa 18000 BTU	A303	1	17.000	17.000		8.500						
151	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3A	1	17.000	17.000		8.500						
152	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1C	1	17.000	17.000		8.500						
153	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1E	1	17.000	17.000		8.500						
154	Điều hòa 18000 BTU	A101 (Phòng TA 1)	1	17.000	17.000		8.500		x				
155	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2E	1	17.000	17.000		8.500						
156	Điều hòa 18000 BTU	Phòng học Mỹ thuật	1	17.000	17.000		8.500						
157	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4E	1	17.000	17.000		8.500						
158	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4D	1	17.000	17.000		8.500						
159	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5G	1	17.000	17.000		8.500						
160	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2B	1	17.000	17.000		8.500						
161	Điều hòa 18000 BTU	Phó HT 1	1	17.000	17.000		8.500						
162	Điều hòa 18000 BTU	PHÒNG ÂM NHẠC	1	17.000	17.000		8.500						
163	Điều hòa 18000 BTU	Phòng đồ dùng	1	17.000	17.000		8.500						
164	Điều hòa 18000 BTU	Phòng Hội đồng	1	17.000	17.000		8.500						
165	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4A	1	17.000	17.000		8.500						
166	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4B	1	17.000	17.000		8.500						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị ước số kế toán của tài sản công khai (Nghìn đồng)													
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
6	7	8	9		10	11								12	13	14	
167	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4C	1	17.000	17.000		8.500										
168	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3A	1	17.000	17.000		8.500										
169	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3E	1	17.000	17.000		8.500										
170	Điều hòa 18000 BTU	Kho tầng B401	1	17.000	17.000		8.500										
171	Điều hòa 18000 BTU	PHÒNG ÂM NHẠC	1	17.000	17.000		8.500										
172	Điều hòa 18000 BTU	Lưu trữ	1	17.000	17.000		8.500										
173	Điều hòa 18000 BTU	Phòng học Mỹ thuật	1	17.000	17.000		8.500										
174	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1G	1	17.000	17.000		8.500										
175	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2G	1	17.000	17.000		8.500										
176	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3B	1	17.000	17.000		8.500										
177	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5E	1	17.000	17.000		8.500										
178	Điều hòa 18000 BTU	Phòng học Mỹ thuật	1	17.000	17.000		8.500										
179	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4C	1	17.000	17.000		8.500										
180	Điều hòa 18000 BTU	Phòng tin học	1	17.000	17.000		8.500										
181	Điều hòa 18000 BTU	Phòng tin học	1	17.000	17.000		8.500										
182	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 4A	1	17.000	17.000		8.500										
183	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3G	1	17.000	17.000		8.500										
184	Điều hòa 18000 BTU	Thư viện GV	1	17.000	17.000		8.500										
185	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2G	1	17.000	17.000		8.500										
186	Điều hòa 18000 BTU	A102	1	17.000	17.000		8.500										
187	Điều hòa 18000 BTU	A202	1	17.000	17.000		8.500										
188	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2B	1	17.000	17.000		8.500										
189	Điều hòa 18000 BTU	B305 Phòng nghỉ GV	1	17.000	17.000		8.500										
190	Điều hòa 18000 BTU	Kho tầng B401	1	17.000	17.000		8.500										
191	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 5C	1	17.000	17.000		8.500										
192	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 1G	1	17.000	17.000		8.500										

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị; tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	(Nghìn đồng)		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
193	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 2E	1	17.000	17.000		8.500						
194	Điều hòa 18000 BTU	A203	1	17.000	17.000		8.500						
195	Điều hòa 18000 BTU	Lớp 3C	1	17.000	17.000		8.500						
	<b>Năm 2024</b>		<b>10</b>	<b>176.103</b>		<b>176.103</b>	<b>105.662</b>						
1	Tivi Samsung UA75BU8000	Lớp 5D	1	22.390		22.390	13.434		X				
2	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	13.349		13.349	8.009		X				
3	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	13.349		13.349	8.009		X				
4	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	13.349		13.349	8.009		X				
5	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	13.349		13.349	8.009		X				
6	Máy tính để bàn Acer Veriton X2680G	Phòng tin học	1	13.349		13.349	8.009		X				
7	Tivi Samsung UA75BU8000	Lớp 5E	1	22.390		22.390	13.434		X				
8	Tivi Samsung UA75BU8000	Lớp 5C	1	22.390		22.390	13.434		X				
9	Tivi Samsung UA75BU8000	Lớp 5E	1	19.800		19.800	11.880		X				
10	Tivi Samsung UA75BU8000	Lớp 4G	1	22.390		22.390	13.434		X				
	<b>Tổng cộng</b>		<b>289</b>	<b>8.162.389</b>	<b>7.030.266</b>	<b>1.132.123</b>	<b>3.144.045</b>						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

*[Signature]*

Khuất Thị Hằng

Ngày 21 tháng 12 năm 2025

Phụ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Xuân Thu

Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội

Mẫu số 09đ-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND phường Phúc Lợi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Phúc Đồng

Mã đơn vị: 1088975

Loại hình đơn vị: Khôi sự nghiệp

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê					Liên doanh, liên kết						
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	<b>Tổng cộng</b>															

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Khuất Thị Hằng

Ngày ..31 tháng 12 năm ..2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Xuân Thu

Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội

Mẫu số 09d-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND phường Phúc Lợi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Phúc Đồng

Mã đơn vị: 1088975

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền							Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	Tổng cộng		Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	<b>Tổng cộng</b>															

Người lập báo cáo

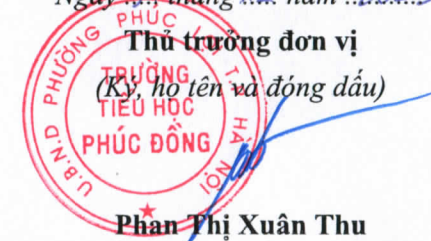
(Ký, họ tên)

Khuất Thị Hằng

Ngày 21 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Xuân Thu

Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội

Mẫu số 10a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND phường Phúc Lợi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Tiểu học Phúc Đồng

Mã đơn vị: 1088975

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẴM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	- Mã QHNS:									
	1 - Đất khuôn viên									
	2 - Nhà									
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác									
	<b>Tổng cộng</b>									

Người lập báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)

Khuất Thị Hằng

Phường Phúc Lợi, ngày 5/1 tháng 12 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phan Thị Xuân Thu